

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 25/2020/HC-GĐT

Ngày 06/11/2020

*V/v khởi kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

***- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận,

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Tiến;

- Ông Tống Anh Hào;

- Ông Trần Văn Cò;

- Bà Đào Thị Xuân Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thành Dương, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị H;

Cư trú tại: Số nhà A, đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

***2. Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Nguyễn Phước H1, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Nguyễn Văn L; cư trú tại: Số A, đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy ban nhân dân phường AP, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SG;

Địa chỉ: Số A1, đường B1, phường C1, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bà Nguyễn Thị H sử dụng 5.060m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thuộc thửa số 2213, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại phường AP, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân Quận X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N643644 ngày 17/4/1999 cho bà H.

Ngày 12/01/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 57/QĐ-TTg thu hồi 1.397.883m<sup>2</sup> đất giao cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SG sử dụng 1.374.405m<sup>2</sup> đất để đầu tư xây dựng Khu liên hợp sân Golf - Thể dục thể thao và nhà ở tại phường AP, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (trong đó có diện tích đất nông nghiệp nêu trên của bà H); Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quản lý 23.478m<sup>2</sup> đất còn lại để mở rộng đường giao thông khu vực theo quy hoạch.

Ngày 20/7/2001, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4428/QĐ-UBND điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, cơ quan, đơn vị, vật kiến trúc khác và đền bù, trợ cấp thiệt hại, tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sân Golf - Thể dục thể thao và nhà ở tại phường AP, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19/9/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3913/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án số 30/PA-UB ngày 25/3/2003 về đền bù đền bù, hỗ trợ và tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng sân Golf - Thể dục thể thao và nhà ở tại phường AP, Quận X.

Ngày 16/5/2006, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SG có Công văn số 08/CV-SDI/06 đề nghị hỗ trợ bồi thường ngoài mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các hộ dân có đất trong khu quy hoạch là 150.000đ/m<sup>2</sup> (đối với các loại đất nông nghiệp); mức hỗ trợ này áp dụng cho các hộ dân nhận bồi thường bằng tiền, không hoán đổi đất và không mua căn hộ chung cư.

Ngày 28/7/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 2254/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng thửa đất số 2213, tờ bản đồ số 4, phường AP, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đối với hộ bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 1.897.500.000 đồng. Do bà H không nhận khoản tiền bồi thường nên ngày 19/10/2006, Hội đồng bồi thường dự án đã gửi toàn bộ số tiền trên vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Đông Sài Gòn.

Bà H khiếu nại Quyết định số 2254/QĐ-UBND nêu trên đến Ủy ban nhân dân Quận X yêu cầu được hoán đổi nền đất theo tỷ lệ 20% trên tổng diện tích đất bị thu hồi, vị trí nền đất hoán đổi nằm trên phần đất cũ của gia đình bà.

Ngày 04/4/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 2592/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất, giải phóng mặt bằng với nội dung: Thu hồi phần đất nông nghiệp có diện tích 5.060m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 2213, tờ bản đồ số 4, phường AP, Quận X do bà Nguyễn Thị H làm chủ để bàn giao mặt bằng trống cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển SG.

Ngày 04/10/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 7065/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà H với nội dung: Không công nhận nội dung đơn của bà H; giữ nguyên Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 28/7/2006 và Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 của Ủy ban nhân dân Quận X.

Ngày 05/8/2011, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 9863/QĐ-UBND-TNMT về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N643644 do Ủy ban nhân dân Quận X cấp cho bà H ngày 17/4/1999.

Ngày 22/8/2011, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 10766/QĐ-UBND-TNMT về điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 9863/QĐ-UBND-TNMT ngày 05/8/2011 (điều chỉnh một phần căn cứ ban hành). Tiếp đến ngày 14/02/2012, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 1972/QĐ-UBND-TNMT điều chỉnh một phần Quyết định số 9863/QĐ-UBND-TNMT ngày 05/8/2011 (điều chỉnh phần trích yếu và một phần căn cứ ban hành).

Ngày 31/8/2011, bà H khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh hủy các Quyết định hành chính sau của Ủy ban nhân dân Quận X: Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 28/7/2006 (về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng); Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 04/4/2007 (về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 2254/QĐ-UBND); Quyết định số 9863/QĐ-UBND-TNMT ngày 05/8/2011 (về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ngày 17/5/2012 và ngày 23/5/2012, bà H có đơn bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận X hủy các Quyết định số 10766/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 và Quyết định số 1972/QĐ-UBND-TNMT ngày 14/02/2012 (về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 9863/QĐ-UBND-TNMT).

*Người đại diện của Ủy ban nhân dân Quận X trình bày:*

Căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sân Golf - thể dục thể thao và nhà ở tại phường AP, Quận X là Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 12/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ (theo Luật Đất đai 1993). Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP quy định về việc Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng lập phương án đền bù và trình Hội đồng thẩm định, làm cơ sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, ngày 25/3/2003, Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng Dự án đã lập Phương án số 30/PA-UB đền bù, hỗ trợ và tái định cư của dự án. Ngày 11/4/2003, Hội đồng thẩm định đền bù giải phóng mặt bằng Thành phố phê duyệt Phương án số 30/PA-UB và ngày 19/9/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã ký Quyết định số 3913/QĐ-UB phê duyệt Phương án số 30/PA-UB ngày 25/3/2003.

Thửa đất của bà H đã được bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định tại Phương án 30/PA-UB ngày 25/3/2003 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án và Công văn số 08/CV-SDI/06 ngày 16/5/2006 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát

triển SG với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.897.500.000 đồng. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 28/7/2006; Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 04/4/2007; Quyết định số 9863/QĐ-UBND-TNMT ngày 05/8/2011 là đúng trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2012/HC-ST ngày 25/9/2012, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L yêu cầu hủy các Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 28/7/2006; Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 04/4/2007; Quyết định số 9863/QĐ-UBND ngày 05/8/2011; Quyết định số 10766/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 và Quyết định số 1972/QĐ-UBND-TNMT ngày 14/02/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2012, bà H kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 1608/2012/HC-PT ngày 26/12/2012, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

*Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.*

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 26/01/2013, bà H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/2016/KN-HC ngày 15/7/2016, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị bản án hành chính phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án hành chính phúc thẩm và bản án hành chính sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 18/2016/LĐ-GĐT ngày 12/10/2016 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 06/2016/KN-HC ngày 15/7/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh; hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 1608/2012/HC-PT ngày 26/12/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2012/HC-ST ngày 25/9/2012 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Ngày 26/10/2016, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SG có đơn đề nghị xem xét lại Quyết định giám đốc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngày 25/10/2017, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội có Công văn số 937/UBTP14 chuyên

đơn của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SG đến Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 12/4/2019, Ủy ban nhân dân Quận X có đơn đề nghị xem xét lại Quyết định giám đốc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 44/2019/KN-HC ngày 07/10/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị đối với Quyết định giám đốc thẩm số 18/2016/LĐ-GĐT ngày 12/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định giám đốc thẩm số 18/2016/LĐ-GĐT ngày 12/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên Bản án hành chính phúc thẩm số 1608/2012/HC-PT ngày 26/12/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định:

*“Điều 1. Phạm vi áp dụng*

*Nghị định này quy định về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định tại Điều 27 của Luật Đất đai năm 1993:*

.....

*2. Đất sử dụng vào mục đích lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng gồm:*

.....

*đ) Đất do tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài sử dụng cho dự án sản xuất kinh doanh, khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu vui chơi giải trí, khu du lịch và các dự án đầu tư khác đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định cấp phép đầu tư theo quy định của pháp luật;*

*e) Đất sử dụng cho dự án phát triển các khu đô thị mới, các khu dân cư tập trung và các khu dân cư khác đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định;*

*g) Đất sử dụng cho công trình công cộng khác và các trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;” ...*

Theo quy định trên, việc thực hiện đền bù thiệt hại khi thu hồi đất của Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sân Golf - Thể dục thể thao và nhà ở tại phường AP, Quận X phải căn cứ vào các quy định của Luật đất đai 1993 và Nghị định số

22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Tuy nhiên, Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng đây là dự án có mục đích kinh doanh thu lợi nhuận, không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ mà trường hợp này chủ đầu tư phải đền bù cho những người có đất bị thu hồi theo phương thức thỏa thuận giữa hai bên và việc Ủy ban nhân dân Quận X phải xem xét các quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và khoản 2 Điều 4 Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ khi ban hành Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 28/7/2006 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng cho hộ bà H là không đúng quy định.

[2] Ngày 28/7/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 2254/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng đối với hộ bà H với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 1.897.500.000 đồng. Tại thời điểm này, Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đã có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 50 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hiệu lực thi hành như sau:

*“2. Nghị định này thay thế cho Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Các quy định trước đây về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trái với Nghị định này đều bãi bỏ.*

*Đối với những dự án, hạng mục đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Nghị định này”.*

Căn cứ vào quy định nêu trên, việc chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà H tiếp tục được thực hiện theo Phương án số 30/PA-UB đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định 3913/QĐ-UB ngày 19/9/2003.

[3] Phương án số 30/PA-UB ngày 25/3/2003 của Hội đồng bồi thường căn cứ vào Quyết định số 05/QĐ-UB-QLĐT ngày 04/01/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố, áp dụng mức đơn giá tối đa (hạng 1 khu vực 1) là 19.300đồng/m<sup>2</sup> nhân với hệ số K = 7,77 để tính mức giá đền bù cho bà H là 150.000đồng/m<sup>2</sup>; hỗ trợ đất nông nghiệp mặt tiền là 75.000 đồng/m<sup>2</sup>. Tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường cho bà H năm 2006, Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 27/12/2005 của Ủy ban

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang có hiệu lực, theo đó giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hạng 1 khu vực 1 là 90.000 đồng/m<sup>2</sup>; theo đó, mức giá đền bù như trên là đã có lợi cho bà H. Ngoài ra, bà H còn được hỗ trợ thêm 150.000 đồng/m<sup>2</sup> theo Công văn số 08/CV-SDI/06 ngày 16/5/2006 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển SG.

Tòa án cấp giám đốc thẩm cho rằng đất của bà H là đất nông nghiệp trong đô thị nên theo quy định tại tiểu mục 3.3 Mục A Thông tư 145/1998/TT-BTC ngày 04/11/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ thì “*Đất nông nghiệp trong đô thị được đền bù theo giá đất nông nghiệp cộng thêm một khoản tiền tối đa bằng 30% chênh lệch giữa giá đền bù cho đất ở trong đô thị của khu đất ở liền kề với giá đất đền bù đất nông nghiệp*” mà không được tính theo Phương án 30/PA-UB. Tuy nhiên, Phương án 30/PA-UB nêu trên tuy không áp dụng phương pháp tính giá đất nông nghiệp theo phương thức quy định tại tiểu mục 3.3 Mục A Thông tư 145/1998/TT-BTC ngày 04/11/1998 của Chính phủ nhưng áp dụng phương thức tính theo đơn giá tối đa (hạng 1 khu vực 1) nhân với hệ số  $K = 7,77$ ; phương thức này đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt và không trái với quy định tại tiểu mục 3.3 Mục A Thông tư 145/1998/TT-BTC ngày 04/11/1998 nêu trên. Do đó, Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng giá đất bồi thường theo Phương án 30/PA-UB cho bà H không phù hợp với quy định tại tiểu mục 3.3 Mục II Phần A Thông tư 145/1998/TT-BTC ngày 04/11/1998 của Bộ Tài chính là không chính xác.

[4] Ngày 19/10/2006, Hội đồng bồi thường của Dự án đã gửi toàn bộ số tiền bồi thường cho bà H vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Đông SG. Ngày 17/01/2013, bà H đã ký nhận 02 khoản tiền từ Ngân hàng này là 2.925.928.900 đồng và 124.840.000 đồng, tổng cộng là 3.050.768.900 đồng (gồm khoản tiền bồi thường về đất, tiền hỗ trợ thêm của chủ đầu tư và tiền lãi gửi Ngân hàng số tiền nêu trên). Do đó, quyền lợi của bà H đã được bảo đảm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X căn cứ vào Quyết định số 3913/QĐ-UB ngày 19/9/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để ban hành Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 28/7/2006 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng cho bà H với số tiền 1.897.500.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, đúng pháp luật. Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy bản án hành chính phúc thẩm và bản án hành chính sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 271, khoản 2 Điều 272, Điều 273 Luật tố tụng hành chính;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 44/2019/KN-HC ngày 07/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Quyết định giám đốc thẩm số 18/2016/LĐ-GĐT ngày 12/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 18/2016/LĐ-GĐT ngày 12/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên Bản án hành chính phúc thẩm số 1608/2012/HC-PT ngày 26/12/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***Nơi nhận:***

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh  
(02 bản kèm HSVA);
- TAND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu Vụ III, HSVA (02 bản), THS.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thuận  
(Đã ký)**